

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4155/SYT-VP
V/v Thông báo chương trình
đào tạo thạc sỹ của Học viện
Chính trị khu vực II

Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Công văn số 2414/SNV-QLBC&CCVC ngày 28/5/2021 của Sở Nội vụ về việc chương trình đào tạo thạc sỹ của Học viện Chính trị khu vực II.

Sở Y tế thông báo đến Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc để triển khai đến công chức, viên chức (nếu có) nhu cầu đào tạo thạc sỹ của Học viện Chính trị khu vực II đăng ký theo danh sách và theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

(Đính kèm Công văn, thông báo chiêu sinh và Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND).

Sở Y tế yêu cầu đến Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc gửi danh sách, tờ trình, biên bản về Sở Y tế trước ngày 03/6/2021, nếu sau ngày này xem như đơn vị không đăng ký dự thi. /*Ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD SYT;
- Các Phòng CM SYT;
- Lưu: VT, VP.
(BP-TCCB)

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2414 /SNV-QLBC&CCVC
V/v chương trình đào tạo Thạc sĩ
của Học viện Chính trị khu vực II

Đồng Nai, ngày 30 tháng 05 năm 2021

Ký bởi: Sở Nội vụ
Email: sonoivu@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Ngày ký: 31-05-2021 07:16:25 +07:00

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

Sở Nội vụ nhận được Thông báo số 203-TB/HVCTKVII ngày 11/5/2021 của Học viện Chính trị khu vực II tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021. Qua nghiên cứu, Sở Nội vụ sao gửi Thông báo của Học viện Chính trị khu vực II về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Để đảm bảo việc tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo quy định, Sở Nội vụ đề nghị các đơn vị căn cứ khoản 2 Điều 4, Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh¹, điều kiện dự tuyển tại thông báo trên và kế hoạch đào tạo, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực liên quan, rà soát chọn cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia dự tuyển, gửi danh sách (*mẫu đính kèm*) về Sở Nội vụ **trước ngày 07/6/2021**. Sở Nội vụ sẽ căn cứ chỉ tiêu đào tạo sau đại học của tỉnh và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị để có ý kiến thống nhất trước khi gửi hồ sơ dự tuyển về Học viện Chính trị khu vực II.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - GD, các PGD Sở Nội vụ;
 - Lưu: VT, QLBC&CCVC.
- Tung



Nguyễn Thanh Tú

¹ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021

Căn cứ Công văn số 346-CV/HVCTQG ngày 05/4/2021 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc thông báo chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ năm 2021, Học viện Chính trị khu vực II (Học viện II) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 như sau:

1. Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy không tập trung;
- Thời gian đào tạo: 24 tháng;
- Địa điểm đào tạo: Học viện Chính trị khu vực II, số 99 đường Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Học viện II làm đầu mối và phối hợp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo các chuyên ngành sau:

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Chính sách công	8340402	30
2	Chính trị học	8310201	30
3	Kinh tế chính trị	8310102	30
4	Kinh tế phát triển	8310105	30
5	Lãnh đạo học	8340408	30
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	30
7	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	30
8	Pháp luật về quyền con người	8380109	30
9	Quản lý kinh tế	8340410	30
10	Xã hội học	9310301	30
11	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	30

3. Điều kiện dự thi

Thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối tượng tuyển sinh

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cử đi học. Các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định.

b) Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi phải có chứng chỉ học bổ sung kiến thức do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cấp trước khi dự thi;

- Có bằng tốt nghiệp đại học được đặc tạo toàn thời gian ở nước ngoài phù hợp, ngành gần, ngành khác với ngành dự thi và được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh dự thi có bằng tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học nếu xếp loại tốt nghiệp từ Khá trở lên. Trường hợp bằng tốt nghiệp xếp loại khác, phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngành đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày đăng ký dự thi;

- Thí sinh dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần: Phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngành đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày đăng ký dự thi;

- Thí sinh dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác: Phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngành đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi (*Chi tiết xem tại website www.hcma.hcma2.vn: Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần, ngành khác với ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện*). Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xem xét quyết định.

d) Điều kiện về sức khỏe: Đủ sức khỏe để học tập và công tác (*có giấy chứng nhận sức khỏe của Bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên*).

e) Điều kiện về hồ sơ: Nộp đầy đủ hồ sơ theo mẫu và đúng thời gian quy định của Học viện II.

4. Môn thi tuyển

a) Thí sinh dự thi phải tham gia dự kỳ thi tuyển sinh do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, gồm 03 môn: Cơ sở ngành, cơ bản và ngoại ngữ (xem Phụ lục I).

b) Miễn thi môn ngoại ngữ

Miễn thi môn ngoại ngữ đối với thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài và được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi hoặc chứng chỉ tương đương (xem Phụ lục II);

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tuyển sinh sẽ thẩm định chứng chỉ hoặc thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực ngoại ngữ của các thí sinh đã có chứng chỉ. Kết quả kiểm tra sẽ được sử dụng làm kết quả chính thức để xét miễn thi đầu vào về ngoại ngữ tại Học viện II hoặc hủy kết quả thi, xét đầu vào nếu phát hiện các sai phạm.

Lưu ý: Trường hợp người dự tuyển có nhu cầu thi để đạt chuẩn trình độ này, căn cứ số lượng đăng ký (theo mẫu), Học viện II phối hợp với Học viện Báo chí và Tuyên truyền mở lớp, ôn thi, thi và cấp chứng chỉ theo quy định. Thời gian tiếp nhận đăng ký: trước ngày 24/7/2021, hồ sơ gửi về Học viện Chính trị khu vực II, số 99 đường Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên

- Thí sinh có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành và phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

b) Chính sách ưu tiên

- Hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, học viên có đủ điều kiện theo quy định sẽ được tham dự các khóa học hoàn chỉnh để nhận bằng cao cấp lý luận chính trị.

- Thí sinh dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản hoặc môn cơ sở ngành.

Lưu ý: Các giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên, chứng chỉ ngoại ngữ để xét miễn thi, cộng điểm thi phải nộp cùng với hồ sơ đăng ký dự thi và trong thời hạn nộp hồ sơ theo thông báo tuyển sinh.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

Thí sinh dự thi phải nộp hồ sơ có đầy đủ các loại giấy tờ sau đây:

- (1) Đơn xin đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ *(theo mẫu)*;
- (2) Công văn cử đi dự thi của cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền;
- (3) Bản sao có công chứng bằng, bằng điểm đại học, bằng cao đẳng, trung cấp *(nếu có)*. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm do nước ngoài cấp phải có bản dịch kèm theo;
- (4) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý *(theo mẫu 2C/TCTW-98)*;
- (5) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của Bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên;
- (6) Bản sao công chứng một trong các giấy tờ được ban hành gần nhất: *Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng lao động, Quyết định bổ nhiệm, Quyết định tăng lương*;
- (7) Bản sao công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên *(nếu có)*;
- (8) Giấy xác nhận thâm niên công tác *(bắt buộc đối với thí sinh ngành gần, ngành khác)*;
- (9) Ảnh 3x4 chụp trong năm 2021 *(02 ảnh mặt sau ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, ngành đăng ký dự thi)*;
- (10) Phiếu xác nhận đã nộp hồ sơ tuyển sinh *(theo mẫu)*.

7. Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ dự thi

a) Thời gian phát hành và nhận hồ sơ

Thí sinh thuộc đối tượng học bổ sung kiến thức (ngành gần, ngành khác) nộp hồ sơ trước ngày 28/8/2021; thí sinh thuộc đối tượng chuyên ngành đúng nộp hồ sơ đến hết ngày 10/9/2021.

b) Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

Phòng 304 - Tòa Nhà A1, Học viện Chính trị khu vực II, số 99 đường Man Thiện, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Học viện Chính trị khu vực II, số 99 đường Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; email: tuyensinh@hcm2.edu.vn; điện thoại: 028.38966.355 (bấm số 303), hoặc đồng chí Lê Thị Thùy Dung, chuyên viên Ban Quản lý đào tạo, điện thoại: 0967.740.217.

8. Thời gian học bổ sung kiến thức và ôn thi đầu vào (dự kiến)

- Thời gian học bổ sung kiến thức: Từ 06/9/2021 đến ngày 01/10/2021;
- Thời gian ôn thi tuyển sinh: Từ ngày 04/10/2021 đến ngày 13/10/2021;
- Thời gian tuyển sinh: Ngày 16 và 17/10/2021 (Thứ Bảy và Chủ Nhật).

9. Kinh phí thi tuyển

- Lệ phí hồ sơ tuyển sinh: 420.000 đ/thí sinh.
- Học phí ôn thi: 1.580.000 đ/thí sinh (Thí sinh thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ lệ phí ôn thi: 1.080.000 đ/thí sinh).
- Học phí bổ sung kiến thức: 500.000 đ/tín chỉ.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của Học viện II: <http://www.hcm2.hcm.vn> hoặc Fanpage tuyển sinh cao học: <http://www.facebook.com/tuyensinhcaohochv2>.

Nơi nhận:

- Ban GD Học viện CTQGHCM (để báo cáo),
- Bộ, Ban ngành TW,
- BTC tỉ.h/thành ủy,
- BTC quận/huyện TP HCM,
- Trường Chính trị tỉnh, thành ủy,
- Các trường đại học, học viện, trường đào tạo cán bộ.
- Sở Nội vụ, Sở GD và ĐT các tỉnh, thành phố thuộc TW,
- Đăng website: hcm2.hcm.vn, fanpage,
- Lưu: VT, Ban QLDT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Dũng

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021
CỦA HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH TRỊ KHU VỰC II
(Đính kèm Công văn số.....ngày.....tháng năm 2021 của.....)

Stt	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành		Chức vụ/ Quy hoạch	Thời gian công tác (không tính thời gian tập sự)	Đơn vị công tác	Ghi chú
			Nam	Nữ			Dự tuyển	Phù hợp với VTVL				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1												
2												
...												

Tại cột số (9): Nếu chuyên ngành dự tuyển phù hợp với vị trí việc làm hiện tại của CBCCVC thì đánh dấu X

Số: 05/2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY CHẾ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
TỈNH ĐỒNG NAI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 278/TTr-SNV ngày 06 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ (03b);
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX.

E/Hải-VX/02 2020

Cao Tiến Dũng

QUY CHẾ

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

Những nội dung liên quan không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, ở huyện, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) công chức xã, phường, thị trấn; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Các đối tượng tại điểm a, b khoản này được gọi chung là cán bộ, công chức; đối tượng tại điểm c khoản này gọi là viên chức.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đào tạo là quá trình truyền thụ, tiếp nhận có hệ thống những tri thức, kỹ năng theo quy định của từng cấp học, bậc học.

2. Bồi dưỡng là hoạt động trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc.

3. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo chương trình quy định cho ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức.

4. Bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý là trang bị kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng, phương pháp làm việc theo từng chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định.

5. Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành tối thiểu bắt buộc hàng năm là trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc cần thiết để làm tốt công việc được giao.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải dựa trên quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện quy định và được cấp có thẩm quyền cử đi. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng từ hai lớp trở lên trong cùng một thời gian học.

3. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm.
4. Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.
5. Công khai, minh bạch, hiệu quả; bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Chương II

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Đối tượng, điều kiện đào tạo

1. Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học

- Cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi và phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.
- Trường hợp các đề án/chương trình đào tạo của bộ, ngành Trung ương, của tỉnh có hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các đề án/chương trình đó.

2. Đào tạo sau đại học

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Nghị định 101/2017/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức

- Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;
- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;
- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

b) Đối với viên chức

- Đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có);
- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;
- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại khoản a và khoản b Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

d) Cán bộ, công chức, viên chức trước khi dự tuyển đào tạo sau đại học phải có ý kiến thống nhất của cơ quan tham mưu cấp có thẩm quyền cử đi quy định tại Điều 14 Quy chế này, trừ trường hợp đi học tự túc kinh phí, không ảnh hưởng đến thời gian làm việc và đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Đền bù chi phí đào tạo

1. Các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo; chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù; điều kiện được giảm chi phí đền bù; Hội đồng xét đền bù; thành lập Hội đồng xét đền bù; cuộc họp

của Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù; trả và thu hồi phí đền bù: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Phân cấp cơ quan, đơn vị được thành lập Hội đồng xét đền bù

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và các trường hợp thuộc diện cử tuyển được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo: Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét đền bù.

b) Đối với công chức, viên chức thuộc diện đào tạo y, dược chính quy theo địa chỉ sử dụng, đào tạo bác sĩ nội trú: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét đền bù.

c) Đối với các trường hợp còn lại: Cơ quan, đơn vị nào quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo thì cơ quan, đơn vị đó thành lập Hội đồng xét đền bù.

3. Căn cứ kiến nghị của Hội đồng xét đền bù, Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân cấp thành lập hội đồng xét đền bù ban hành quyết định đền bù chi phí đào tạo.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cán bộ, công chức, viên chức do Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cử đi đào tạo: Thẩm quyền thành lập Hội đồng xét đền bù thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy.

Điều 6. Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16, 17, 18, 31, 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Thông tư số 01/2018/TT-BNV) và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo từng giai đoạn.

Điều 7. Quản lý, biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Các loại chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Trường hợp các chương trình, tài liệu bồi dưỡng đã được các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, bộ ngành biên soạn và phê duyệt theo quy định thì đưa vào sử dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không phải phê duyệt.

b) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành khi được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và quyết định ban hành chương trình thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 8. Phân công tổ chức bồi dưỡng

1. Trường Chính trị tỉnh tổ chức các chương trình bồi dưỡng sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương; ngạch chuyên viên và tương đương; ngạch chuyên viên chính và tương đương;

d) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp xã;

đ) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của viên chức cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ điều kiện theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý và gửi danh sách về Bộ Nội vụ để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Trường hợp các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu kế hoạch bồi dưỡng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao các cơ quan, đơn vị hợp đồng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương được cấp có thẩm quyền giao tổ chức bồi dưỡng.

Điều 9. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng

1. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng thực hiện theo Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng sau khi kết thúc lớp gửi cơ quan, đơn vị được giao phối hợp tổ chức và Sở Nội vụ.

Chương III

KINH PHÍ, QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 10. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức học tập không đạt yêu cầu và phải học lại, thi lại thì không được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định trong thời gian học lại, thi lại. Kinh phí học lại, thi lại do cá nhân tự chi trả.

Điều 11. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;

b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;

c) Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;

d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ và thuộc ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức nào thì phải đi đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của từng chức vụ, ngạch, chức danh đó; đồng thời, phải bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm theo quy định.
2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cơ quan, đơn vị được giao phối hợp tổ chức (nếu có) trong thời gian tham gia khóa học; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.
3. Kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng trong thời hạn 7 ngày làm việc sau khi được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo kết quả học tập và nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý để cập nhật hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và báo cáo cơ quan có thẩm quyền cử đi học.
4. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.
5. Thực hiện đền bù chi phí đào tạo theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 13. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
2. Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ nhà nước quản lý.
3. Việc quản lý đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng các trường hợp sau:
 - a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.
 - b) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo các chương trình, kế hoạch được tỉnh phê duyệt hoặc triển khai.
 - c) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học theo các đề án/chương trình được bộ, ngành, Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định hiện hành.
2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị trong nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành Trung ương triển khai cho địa phương cử đi mà có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo phân cấp đi học trong các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức cấp xã thuộc đối tượng, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này đi đào tạo từ trình độ đại học trở xuống; viên chức đi đào tạo (trừ viên chức thuộc diện Tỉnh ủy quản lý) theo kế hoạch, đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực của đơn vị.

b) Cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng theo các nội dung, chương trình bồi dưỡng quy định (Trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này).

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng giai đoạn và hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; gửi về Sở Nội vụ theo dõi, quản lý chậm nhất trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

3. Chủ động đề xuất biên soạn và lựa chọn chương trình bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định.

4. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Theo dõi tình hình học tập, đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Xử lý trách nhiệm khi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các trường hợp quy định tại Điều 12 Quy chế này,

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo các đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh theo từng lĩnh vực được giao.

6. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất khi có yêu cầu.

7. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý hàng năm và giai đoạn. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị trong nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền được giao tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.
5. Phối hợp Sở Tài chính bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.
6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
7. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.
8. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổng hợp kế hoạch, lập dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.
2. Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ phân bổ nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.
3. Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, hướng dẫn các quy định của Bộ Tài chính liên quan việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của tỉnh.
4. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

